

Số: /QĐ-UBND

Ninh Bình, ngày tháng 01 năm 2024

## QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2023**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18/6/2020;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14/5/2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 07/TTr-STP ngày 15/01/2024.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố Danh mục văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình hết hiệu lực toàn bộ và hết hiệu lực một phần năm 2023 (có Danh mục văn bản kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

### Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, các VP.

TC\_VP7\_TP\_15

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Song Tùng**

**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH HẾT HIỆU LỰC TOÀN BỘ NĂM 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

| STT      | Tên loại văn bản  | Số, ký hiệu văn bản | Ngày, tháng, năm ban hành văn bản | Tên gọi của văn bản   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|----------|---|---------------------|-----------------------------------|---|--|-------------------|
| <b>I</b> | <b>NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH: 03 nghị quyết</b> |                     |                                   |   |  |                   |
| 1        | Nghị quyết  | 89/2022/NQ-HĐND     | 09/12/2022                        | Quy định mức thu học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2022-2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Nghị quyết số 104/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc quyết định mức học phí đối với cơ sở giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông công lập từ năm học 2023-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | 22/7/2023         |
| 2        | Nghị quyết  | 42/2017/NQ-HĐND     | 13/12/2017                        | Quy định mức phân bổ kinh phí xây dựng và hoàn thiện văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                           | Được thay thế bởi Nghị quyết số 106/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức phân bổ kinh phí cho công tác xây dựng và hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật; mức chi đảm bảo cho công tác kiểm tra, xử lý và rà soát, hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/01/2024        |

|           |  |                 |           |   |   |            |
|-----------|--|-----------------|-----------|---|---|------------|
| 3         | Nghị quyết                                     | 70/2023/NQ-HĐND | 26/4/2023 | Về việc thông qua Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 để xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Nghị quyết số 06/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua Hệ số điều chỉnh giá đất năm 2024 để xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                                | 01/01/2024 |
| <b>II</b> | <b>QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH: 31 quyết định</b> |                 |           |   |   |            |
| 1         | Quyết định                                     | 12/2009/QĐ-UBND | 01/4/2009 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết công việc của tổ chức, cá nhân về lĩnh vực lao động, người có công và xã hội theo cơ chế một cửa liên thông  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình bãi bỏ Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 01/4/2009, Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 09/4/2010, Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 và Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | 20/01/2023 |
| 2         | Quyết định                                     | 06/2010/QĐ-UBND | 09/4/2010 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp giải quyết bước đầu các vụ đình công không đúng quy định của pháp luật lao động tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                              | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình bãi bỏ Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 01/4/2009, Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 09/4/2010, Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 và Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | 20/01/2023 |

|   |            |                 |           |  |   |            |
|---|------------|-----------------|-----------|--|---|------------|
| 3 | Quyết định | 21/2017/QĐ-UBND | 08/8/2017 | Về việc ban hành Quy chế phối hợp lập hồ sơ, quyết định áp dụng biện pháp cai nghiện ma túy và tổ chức cai nghiện ma túy trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình bãi bỏ Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 01/4/2009, Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 09/4/2010, Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 và Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | 20/01/2023 |
| 4 | Quyết định | 06/2021/QĐ-UBND | 17/3/2021 | Về việc ban hành Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí thực hiện chính sách ưu đãi người có công với cách mạng và người trực tiếp tham gia kháng chiến do ngành Lao động - Thương binh và Xã hội quản lý từ nguồn ngân sách trung ương đảm bảo trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 01/2023/QĐ-UBND ngày 11/01/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình bãi bỏ Quyết định số 12/2009/QĐ-UBND ngày 01/4/2009, Quyết định số 06/2010/QĐ-UBND ngày 09/4/2010, Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 08/8/2017 và Quyết định số 06/2021/QĐ-UBND ngày 17/3/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | 20/01/2023 |
| 5 | Quyết định | 07/2016/QĐ-UBND | 31/3/2016 | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 06/2023/QĐ-UBND ngày 03/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình  | 15/02/2023 |

|   |            |                 |            |  |  |           |
|---|------------|-----------------|------------|--|--|-----------|
| 6 | Quyết định | 08/2016/QĐ-UBND | 07/4/2016  | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 10/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Bình  | 01/3/2023 |
| 7 | Quyết định | 18/2016/QĐ-UBND | 22/7/2016  | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 11/2023/QĐ-UBND ngày 17/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Ninh Bình   | 01/3/2023 |
| 8 | Quyết định | 02/2015/QĐ-UBND | 30/01/2015 | Ban hành đơn giá xây mới nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 | 11/3/2023 |
| 9 | Quyết định | 29/2016/QĐ-UBND | 04/4/2016  | Về việc sửa đổi đơn giá cây trồng tại Phụ lục số 03 Bảng đơn giá cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành đơn giá mới nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 01/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 | 11/3/2023 |

|    |            |                 |            |   |   |           |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|-----------|
| 10 | Quyết định | 32/2016/QĐ-UBND | 07/12/2016 | Bổ sung đơn giá cây trồng vào Phụ lục số 03 Bảng đơn giá cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành đơn giá mới nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình          | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 | 11/3/2023 |
| 11 | Quyết định | 20/2017/QĐ-UBND | 04/8/2017  | Bổ sung đơn giá cây trồng vào Phụ lục số 03 Bảng đơn giá cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành đơn giá mới nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình          | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 | 11/3/2023 |
| 12 | Quyết định | 65/2021/QĐ-UBND | 06/12/2021 | Sửa đổi, bổ sung đơn giá cây trồng tại Phụ lục số 03 Bảng đơn giá cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành đơn giá mới nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023 | 11/3/2023 |

|    |            |                 |            |  |   |           |
|----|------------|-----------------|------------|--|---|-----------|
| 13 | Quyết định | 55/2022/QĐ-UBND | 14/10/2022 | Sửa đổi đơn giá cây trồng tại Phụ lục số 03 Bảng đơn giá cây trồng, vật nuôi ban hành kèm theo Quyết định số 02/2015/QĐ-UBND ngày 30/01/2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành đơn giá mới nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất, cây trồng, vật nuôi trên địa bàn tỉnh Ninh Bình đã được sửa đổi, bổ sung tại Quyết định số 65/2021/QĐ-UBND ngày 06/12/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 01/03/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bảng đơn giá bồi thường cây trồng, vật nuôi là thủy sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình năm 2023   | 11/3/2023 |
| 14 | Quyết định | 31/2014/QĐ-UBND | 18/11/2014 | Ban hành Quy định về thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 31/2023/QĐ-UBND ngày 14/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc bãi bỏ Quyết định số 31/2014/QĐ-UBND ngày 18 tháng 11 năm 2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định về thực hiện trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất để thực hiện dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 26/4/2023 |
| 15 | Quyết định | 01/2019/QĐ-UBND | 10/01/2019 | Ban hành Quy định mức trích, nội dung chi và mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 32/2023/QĐ-UBND ngày 17/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình bãi bỏ Quyết định số 01/2019/QĐ-UBND ngày 10/01/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định mức trích, nội dung chi và  | 27/4/2023 |

|    |            |                 |            |  |  |           |
|----|------------|-----------------|------------|--|--|-----------|
|    |            |                 |            |  | mức chi cho công tác tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |           |
| 16 | Quyết định | 21/2019/QĐ-UBND | 02/7/2019  | Ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 35/2023/QĐ-UBND ngày 05/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình  | 15/5/2023 |
| 17 | Quyết định | 24/2014/QĐ-UBND | 28/8/2014  | Ban hành Quy định về hạn mức đất ở giao cho mỗi hộ gia đình, cá nhân; diện tích tối thiểu được tách thửa đối với đất ở; hạn mức công nhận đất ở cho mỗi hộ gia đình; hạn mức giao đất trồng, đồi núi trọc, đất có mặt nước thuộc nhóm đất chưa sử dụng cho mỗi hộ gia đình, cá nhân để sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định hạn mức giao đất; hạn mức công nhận quyền sử dụng đất cho hộ gia đình, cá nhân trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | 30/5/2023 |
| 18 | Quyết định | 06/2022/QĐ-UBND | 25/02/2022 | Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2022 để xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất và xác định số lợi bất hợp pháp do việc thực hiện hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Được thay thế bởi Quyết định số 40/2023/QĐ-UBND ngày 31/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định hệ số điều chỉnh giá đất năm 2023 để xác định giá đất cụ thể tính thu tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, giá khởi điểm để đấu giá quyền sử dụng đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 15/6/2023 |



|    |            |                   |           |  |   |           |
|----|------------|-------------------|-----------|--|---|-----------|
| 19 | Quyết định | 1752/2008/QĐ-UBND | 26/9/2008 | Ban hành quy định về phân cấp lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch xây dựng và quản lý sử dụng nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  | Được thay thế bởi Quyết định số 42/2023/QĐ-UBND ngày 14/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định quản lý nghĩa trang và cơ sở hỏa táng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                               | 23/6/2023 |
| 20 | Quyết định | 26/2014/QĐ-UBND   | 19/9/2014 | Ban hành Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Được thay thế bởi Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |
| 21 | Quyết định | 09/2016/QĐ-UBND   | 13/4/2016 | Sửa đổi, bổ sung một số Điều tại bản Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |
| 22 | Quyết định | 16/2017/QĐ-UBND   | 16/6/2017 | Sửa đổi một số nội dung của Quy định một số chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định 26/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình              | Được thay thế bởi Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |

|    |            |                 |            |   |   |           |
|----|------------|-----------------|------------|---|---|-----------|
| 23 | Quyết định | 16/2018/QĐ-UBND | 06/8/2018  | Sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình  | Được thay thế bởi Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |
| 24 | Quyết định | 17/2020/QĐ-UBND | 11/6/2020  | Sửa đổi khoản 3 Điều 1 Quyết định số 16/2017/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi một số nội dung của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của UBND tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |
| 25 | Quyết định | 67/2021/QĐ-UBND | 17/12/2021 | Sửa đổi, bổ sung Điều 14 của Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 26/2014/QĐ-UBND ngày 19/9/2014 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình  | Được thay thế bởi Quyết định số 46/2023/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình Quy định một số chính sách bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |
| 26 | Quyết định | 33/2015/QĐ-UBND | 03/12/2015 | Ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại của tỉnh Ninh Bình   | Được thay thế bởi Quyết định số 49/2023/QĐ-UBND ngày 01/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình   | 15/8/2023 |

|    |            |                 |            |  |   |            |
|----|------------|-----------------|------------|--|---|------------|
|    |            |                 |            |  | ban hành Quy chế xây dựng, quản lý và thực hiện Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh Ninh Bình   |            |
| 27 | Quyết định | 47/2019/QĐ-UBND | 27/12/2019 | Ban hành Đơn giá xây dựng công trình - Phần nhà cửa, vật kiến trúc và nội thất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Được thay thế bởi Quyết định số 54/2023/QĐ-UBND ngày 29/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Bộ đơn giá nhà cửa, vật kiến trúc trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  | 08/9/2023  |
| 28 | Quyết định | 11/2018/QĐ-UBND | 08/6/2018  | Về việc ban hành giá dịch vụ đo đạc, lập bản đồ địa chính trong trường hợp cơ quan Nhà nước có thẩm quyền giao đất, cho thuê đất mới hoặc cho phép thực hiện việc chuyển mục đích sử dụng đất ở những nơi chưa có bản đồ địa chính có tọa độ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Đơn giá dịch vụ công thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 25/9/2023  |
| 29 | Quyết định | 36/2015/QĐ-UBND | 28/12/2015 | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình  | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 57/2023/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Ninh Bình   | 01/10/2023 |
| 30 | Quyết định | 37/2015/QĐ-UBND | 28/12/2015 | Về việc ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình   | Được thay thế bởi Quyết định số 58/2023/QĐ-UBND ngày 12/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình  | 01/10/2023 |

|  |            |                 |           |  |   |            |
|--|------------|-----------------|-----------|--|---|------------|
| 31   | Quyết định | 29/2015/QĐ-UBND | 21/9/2015 | Ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Điều lệ sáng kiến ban hành kèm theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | Được thay thế bởi Quyết định số 65/2023/QĐ-UBND ngày 02/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số quy định của Điều lệ Sáng kiến được ban hành theo Nghị định số 13/2012/NĐ-CP ngày 02/3/2012 của Chính phủ; đánh giá, công nhận hiệu quả áp dụng và phạm vi ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 12/11/2023 |
| <b>Tổng số: 34 văn bản quy phạm pháp luật (03 nghị quyết, 31 quyết định)</b> |            |                 |           |  |   |            |

**DANH MỤC**  
**VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN,**  
**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH HẾT HIỆU LỰC MỘT PHẦN NĂM 2023**  
*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /01/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình)*

| STT | Tên loại văn bản                               | Số, ký hiệu; ngày, tháng, năm ban hành văn bản; tên gọi của văn bản  | Nội dung, quy định hết hiệu lực   | Lý do hết hiệu lực   | Ngày hết hiệu lực |
|-----|--|--|---|--|-------------------|
| II  | <b>NGHỊ QUYẾT CỦA HĐND TỈNH: 10 nghị quyết</b> |  |   |  |                   |
| 1   | Nghị quyết                                     | Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | Khoản 5 Điều 1  | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 36/2023/NQ-HĐND ngày 10/3/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc bãi bỏ khoản 5 Điều 1 Nghị quyết số 08/22/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | 20/3/2023         |
| 2   | Nghị quyết                                     | Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa phương tỉnh Ninh Bình năm 2022  | Khoản 7, điểm c khoản 8, điểm b khoản 9, khoản 10 Điều 3; khoản 1 Điều 4; khoản 1 Điều 5; khoản 1 Điều 6; điểm a, điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 7; khoản 1, khoản 2 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 95/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách địa  | 01/8/2023         |

|   |            |  |  |   |           |
|---|------------|--|--|---|-----------|
|   |            |  | Điều 8; khoản 1 Điều 9; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 12; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 13; khoản 1, điểm a, điểm b, điểm c khoản 3 Điều 14; khoản 1, điểm a khoản 3 Điều 15; khoản 1, khoản 3 Điều 16; khoản 1, khoản 3 Điều 17; Điều 22; khoản 1 Điều 28 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND | phương tỉnh Ninh Bình năm 2022 ban hành kèm theo Nghị quyết số 113/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình  |           |
| 3 | Nghị quyết | Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Khoản 1, khoản 2 Tiểu mục II Mục A; sửa đổi, bổ sung Tiểu mục IV Mục A; sửa đổi, bổ sung Tiểu mục IX Mục A; sửa đổi, bổ sung Tiểu mục XII Mục A; sửa đổi, bổ sung Tiểu mục V Mục B của Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 96/2023/NQHĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 22/7/2023 |
| 4 | Nghị quyết | Nghị quyết số 19/2019/NQ-HĐND ngày 12/7/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | Khoản 1 Điều 1   | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 96/2023/NQHĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 22/7/2023 |

|   |            |  |  |   |           |
|---|------------|--|--|---|-----------|
| 5 | Nghị quyết | Nghị quyết số 08/2022/NQ-HĐND ngày 30/3/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một số nội dung của Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 35/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | Khoản 4 Điều 1   | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 96/2023/NQHĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | 22/7/2023 |
| 6 | Nghị quyết | Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc thông qua Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020 - 2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | Bảng số 01 đến Bảng số 08 tại Phần II Bảng giá đất phi nông nghiệp ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND | Được sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 97/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của HĐND tỉnh Ninh Bình về thông qua điều chỉnh, bổ sung nội dung bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 59/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình   | 22/7/2023 |
| 7 | Nghị quyết | Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025   | Khoản 1, 2, 3 Mục V Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND                                 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 99/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung các khoản 1, 2, 3 mục V Phụ biểu số 01 ban hành kèm theo Nghị quyết số 32/2022/NQ-HĐND ngày 15/7/2022 của HĐND tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ phát triển kinh tế nông nghiệp, nông thôn trên địa bàn tỉnh Ninh Bình giai đoạn 2022-2025 | 22/7/2023 |

|   |            |   |                                       |  |            |
|---|------------|---|---------------------------------------|--|------------|
| 8 | Nghị quyết | Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  | Điểm a, điểm c khoản 3 Điều 1; Điều 2 | Được sửa đổi tại Nghị quyết số 103/2023/NQ-HĐND ngày 12/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi Nghị quyết số 43/2018/NQ-HĐND ngày 12/12/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định chính sách hỗ trợ vốn vay khởi nghiệp và phát triển sản xuất kinh doanh cho thanh niên trên địa bàn tỉnh Ninh Bình   | 22/7/2023  |
| 9 | Nghị quyết | Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | Khoản 1, khoản 3 Điều 1               | Được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | 25/11/2023 |



|           |  |  |   |  |            |
|-----------|--|--|---|--|------------|
| 10        | Nghị quyết                                     | Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình | Điều 13 Quy định ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND                        | Được bãi bỏ bởi Nghị quyết số 01/2023/NQ-HĐND ngày 14/11/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình và Nghị quyết số 80/2022/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định phân cấp nguồn thu, nhiệm vụ chi và tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Nghị quyết số 94/2021/NQ-HĐND ngày 27/9/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình | 25/11/2023 |
| <b>II</b> | <b>QUYẾT ĐỊNH CỦA UBND TỈNH: 08 quyết định</b> |  |   |  |            |
| 1         | Quyết định                                     | Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026   | Khoản 3 Điều 9; khoản 3 Điều 47 Quy chế ban hành kèm theo Quyết định số 58/2021/QĐ-UBND | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 12/2023/QĐ-UBND ngày 24/02/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình nhiệm kỳ 2021-2026 ban hành kèm theo Quyết   | 10/3/2023  |

|   |            |   |  |   |           |
|---|------------|---|--|---|-----------|
|   |            |   |  | định số 58/2021/QĐ-UBND ngày 25/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình  |           |
| 2 | Quyết định | Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  | - Số thứ tự 1 tại nội dung 1.1 khoản 1, nội dung 2.1 khoản 2, nội dung 4.1 khoản 4, nội dung 5.1 khoản 5, nội dung 6.1 khoản 6, nội dung 7.1 khoản 7 và nội dung 9.1 khoản 9 Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND<br>- Các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 29/2023/QĐ-UBND ngày 11/4/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về sửa đổi, bổ sung các Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 19/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định mức kinh tế kỹ thuật về khuyến nông trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                      | 20/4/2023 |
| 3 | Quyết định | Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Ninh Bình                   | Khoản 2 Điều 1   | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 48/2023/QĐ-UBND ngày 20/7/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 1 Quyết định số 16/2021/QĐ-UBND ngày 22/6/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh Ninh Bình | 01/8/2023 |
| 4 | Quyết định | Quyết định số 10/2018/QĐ-UBND ngày 08/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc ban hành Bộ đơn giá sản phẩm đo đạc lập bản đồ địa chính, đăng ký đất đai, tài sản gắn liền với đất, lập hồ sơ địa chính, | Điểm đ khoản 1 Điều 2, điểm c, d, g, h, i, k, l khoản 2 Điều 2   | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 55/2023/QĐ-UBND ngày 11/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Đơn giá dịch vụ công thực hiện thủ tục đăng ký, cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu  | 25/9/2023 |

|   |            |   |  |   |            |
|---|------------|---|--|---|------------|
|   |            | cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |  | nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trên địa bàn tỉnh Ninh Bình  |            |
| 5 | Quyết định | Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 27/12/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình             | - Bảng số 01 đến Bảng số 08 tại Phần II Bảng giá đất phi nông nghiệp của Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND;<br>- Khoản 6, khoản 7; khoản 11 Điều 1 | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 60/2023/QĐ-UBND ngày 22/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung, điều chỉnh một số nội dung tại Quyết định số 48/2019/QĐ-UBND ngày 27 tháng 9 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Bảng giá các loại đất giai đoạn 2020-2024 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình | 05/10/2023 |
| 6 | Quyết định | Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình | Điểm d khoản 5 Điều 1  | Được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 62/2023/QĐ-UBND ngày 29/9/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung điểm d khoản 5 Điều 1 Quyết định số 44/2021/QĐ-UBND ngày 19/8/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Ninh Bình        | 15/10/2023 |
| 7 | Quyết định | Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình ban hành Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình                 | Điều 1; khoản 2 Điều 5; a khoản 2 Điều 7; điểm d, điểm đ khoản 2, điểm d khoản 5, khoản 8, khoản 9 Điều 9; Điều 18; điểm b khoản 1 Điều 5 và khoản 4 Điều 24 của Quy chế ban hành kèm theo Quyết định                                  | Được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ bởi Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số   | 25/11/2023 |

|   |            |  |                               |  |            |
|---|------------|--|-------------------------------|--|------------|
|   |            |  | số 09/2018/QĐ-UBND            | 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình  |            |
| 8   | Quyết định | Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | Điểm a, điểm b khoản 5 Điều 2 | Được bãi bỏ bởi Quyết định số 66/2023/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế Thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Ninh Bình ban hành kèm theo Quyết định số 09/2018/QĐ-UBND ngày 04/6/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình và Quyết định số 39/2019/QĐ-UBND ngày 22/10/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình | 25/11/2023 |
| <b>Tổng số : 18 văn bản quy phạm pháp luật (10 nghị quyết, 08 quyết định)</b> |            |  |                               |  |            |